

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày: 19/6/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt
2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1960; trú tại: Tổ 8, khu phố 2, phường Th, huyện B, tỉnh B. Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1980; nơi ĐKKHTT: L199, tổ 25, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ; trú tại: tổ 3, khu phố B, phường L, thành phố Th, tỉnh Bình D. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1983; trú tại: tổ 3, khu phố B, phường L, thành phố Th, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 06/3/2020, bản tự khai nguyên đơn ông Phạm Văn Nh trình bày:

Ông Nh với ông L là đồng hương, quen biết do nhà ở gần nhau. Vào ngày 31/01/2019 ông Nh có cho ông L vay số tiền 30.00.000đ. Ông L tự viết giấy xác nhận nợ và ghi 3 tháng sau sẽ trả. Đến ngày 02/02/2019 ông L lại

đến mượn 5.000.000đ và ghi 18/01 âm lịch sẽ trả. Sau đó đến ngày 06/9/2019, ông L đến vay 23.000.000đ, ông L tự đánh máy giấy vay tiền và cũng ghi 3 tháng sau trả nợ. Ông Nh cho ông L vay không tính lãi, nhưng thỉnh thoảng ông L cũng cho ông Nh chút ít tiền. Khi vay tiền ông L có nói với ông Nh vay tiền để mua đất và sửa nhà.

Nay ông Nh bị bệnh ung thư cần tiền chữa trị mà ông L không chịu trả và cứ khất nần, nên ông Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà Phượng (vợ ông L) phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 58.000.000đ và trả một lần. Ông Nh không yêu cầu tính tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: một giấy xác nhận nợ ghi ngày 31/01/2019 và một giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm.

Bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Ông L đồng ý với nội dung trình bày của ông Nh về số lần vay, số tiền vay. Ông L xác định có viết giấy vay tiền ông Nh 3 lần vào ngày 31/01/2019 với số tiền 30.000đ, ngày 02/02/2019 vay 5.000.000đ và ngày 06/9/2019 vay 23.000.000đ. Khi vay có nói mục đích để mua đất và sửa nhà, nhưng thực chất tiêu sài cá nhân. Tuy nhiên, số tiền 23.000.000đ ông L đã trả cho ông Nh làm 2 lần nhưng khi trả không viết giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến. Đối với số tiền 35.000.000đ ông L chưa trả nên sẽ có trách nhiệm trả cho ông Nh. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế đang khó khăn nên ông L yêu cầu được trả dần. Khi vay tiền ông Nh, lúc đầu bà Ph vợ ông L không biết, nhưng sau này bà Phượng mới biết do ông Nh tới nhà đòi tiền. Do vay tiền tiêu sài cá nhân nên đồng ý đứng ra trả cho ông Nh.

Ông L không cung cấp thêm được chứng cứ gì khác và không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ph trình bày:

Việc ông L vay tiền của ông Nh lúc đầu bà Ph không biết, nhưng sau này ông Nh đến nhà đòi bà Ph mới biết. Ông L vay tiền của ông Nh bao nhiêu và vay làm gì bà Ph không biết, vì vậy bà Ph không có trách nhiệm trả cho ông Nh.

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả nguyên đơn số nợ trên, nhưng yêu cầu được trả dần.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, qua phần hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L phải có trách nhiệm trả cho ông Nh số tiền còn nợ là 58.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Văn Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn L trả số tiền vay theo giấy xác nhận nợ và giấy vay tiền, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L hiện cư trú tại khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L trả số nợ vay theo giấy xác nhận nợ ngày 31/01/2019 với số tiền 30.000đ, giấy vay tiền 5.000.000đ ngày 02/02/2019 và ngày 06/9/2019 vay 23.000.000đ. Bị đơn thừa nhận giấy vay tiền và giấy xác nhận nợ do bị đơn viết, có ký tên. Việc thừa nhận của bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng đối với số tiền 23.000.000đ vay ngày 06/9/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn làm hai lần vào cuối năm 2019 nhưng khi trả không viết giấy và cũng không có ai chứng kiến.

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ 58.000.000đ, bị đơn thừa nhận có vay số tiền trên, nhưng bị đơn cho rằng đã trả được 23.000.000đ, chỉ còn nợ nguyên đơn 35.000.000đ. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã trả số tiền 23.000.000đ cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn cùng trả nợ do khi vay bị đơn có nói mục đích để sửa chữa nhà và mua đất. Xét thấy, tại giấy vay mượn tiền chỉ có chữ ký của ông L, quá trình tố tụng ông L cho rằng thực chất vay tiền để sử dụng cá nhân, nhưng phải nói dối sửa nhà, mua đất thì ông Nh mới cho vay. Đồng thời bà Ph là vợ ông L cũng xác định không biết việc

ông L vay tiền làm gì. Tại phiên tòa, ông L đồng ý đứng ra trả ông Nh số nợ nêu trên. Do đó, không có căn cứ cho rằng ông L vay tiền để sử dụng chung trong gia đình nên không buộc bà Ph phải liên đới trả nợ với ông L.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Nh. Buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nh số tiền nợ 58.000.000đ.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nh được Tòa án chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Nh đối với bị đơn ông Lê Văn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ trả ông Phạm Văn Nh số nợ 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L phải chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư